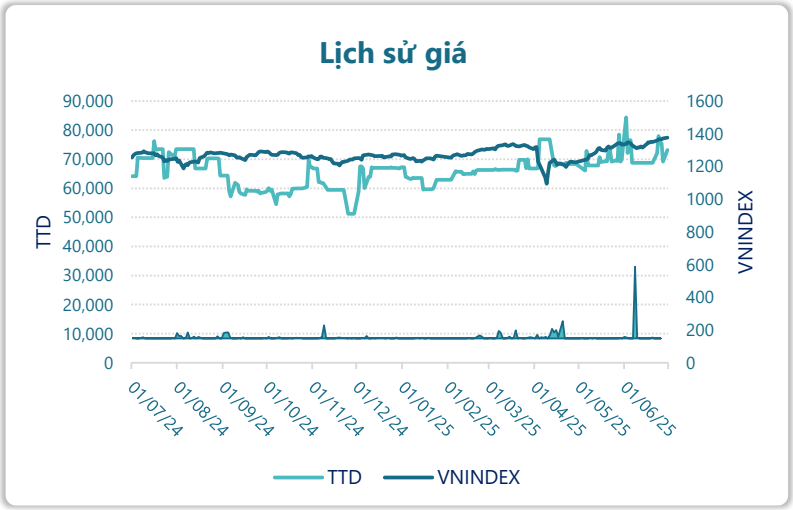
FireAnt

CTCP Bệnh viện tim Tâm Đức (UPCOM: TTD)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**74,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	84,345
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	51,218
SL cổ phiếu LH	15,552,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	120
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,154
P/E	12.1
EPS	6,154

DT thuần

Q2/25

220

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 40.0| 22.4%

YoY: ▲ 31.0| 16.6%

LN sau thuế

Q2/25

28.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.1| 73.0%

YoY: ▲ 8.70| 43.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

14.6%

+/- YoY: ▲ 2.7%

DT thuần

6T 2025

400

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 33.0| 9.1%

LN sau thuế

6T 2025

45.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.4| 33.7%

ROE

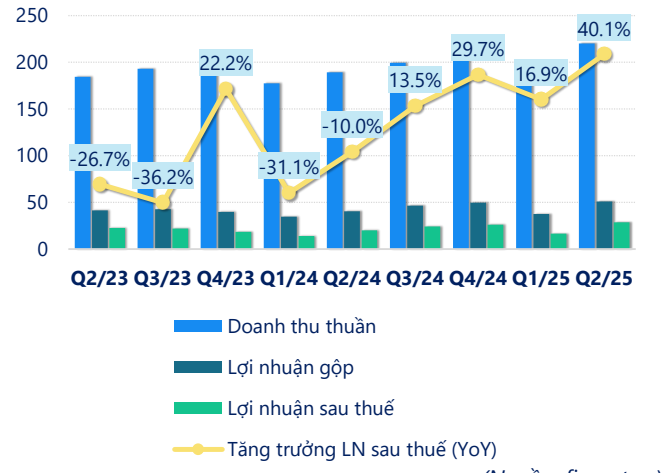
Q2/25

30.9%

+/- YoY: ▲ 5.0%

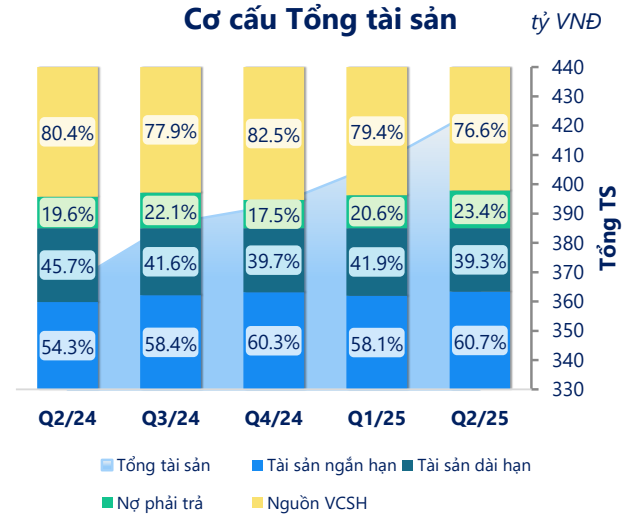
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



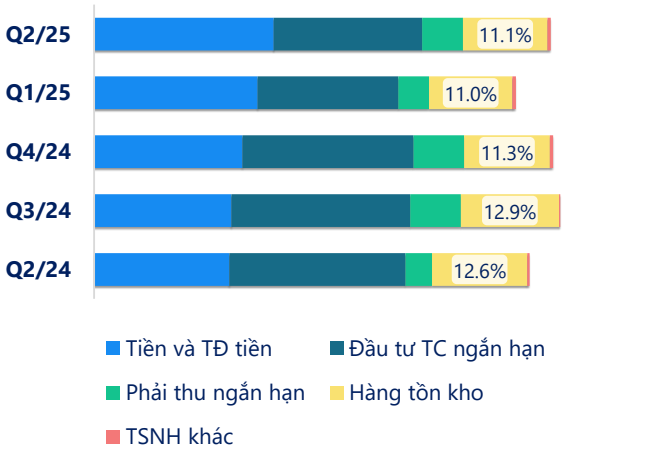
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



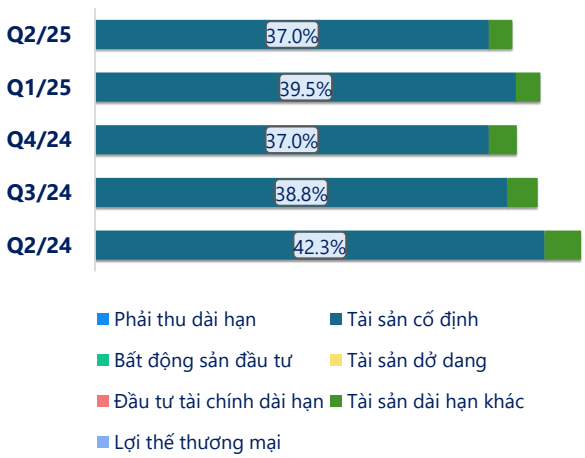
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



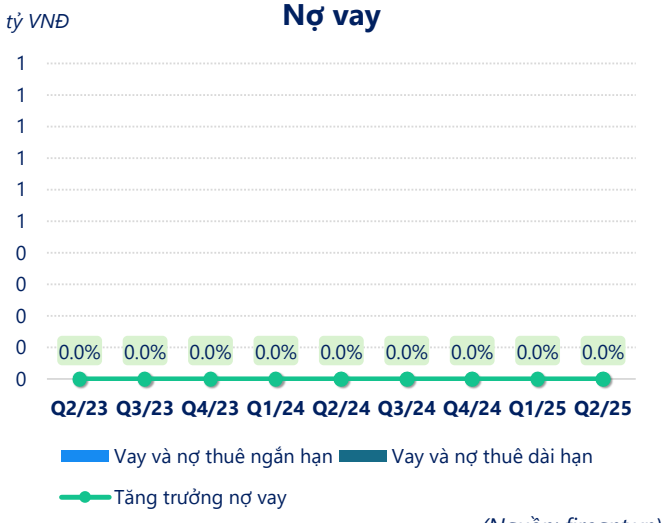
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



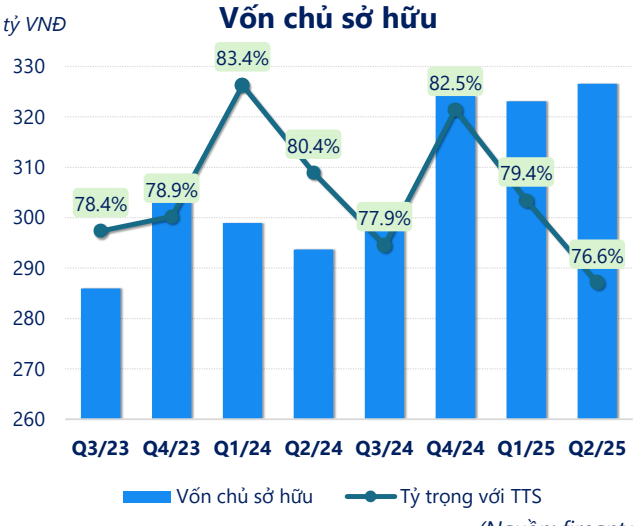
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



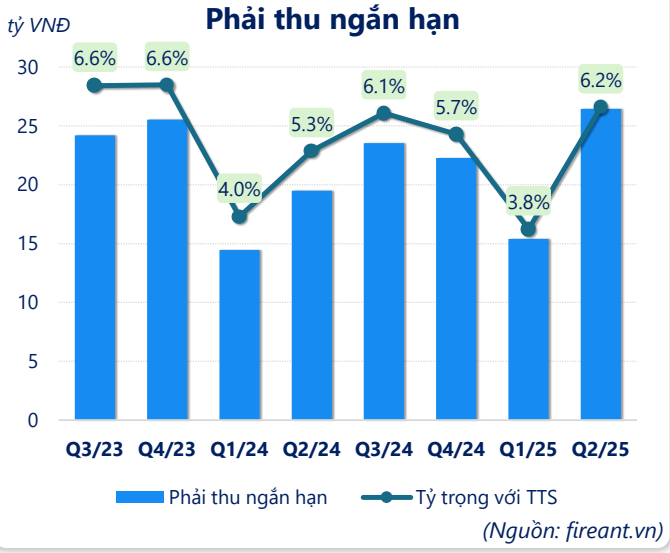
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



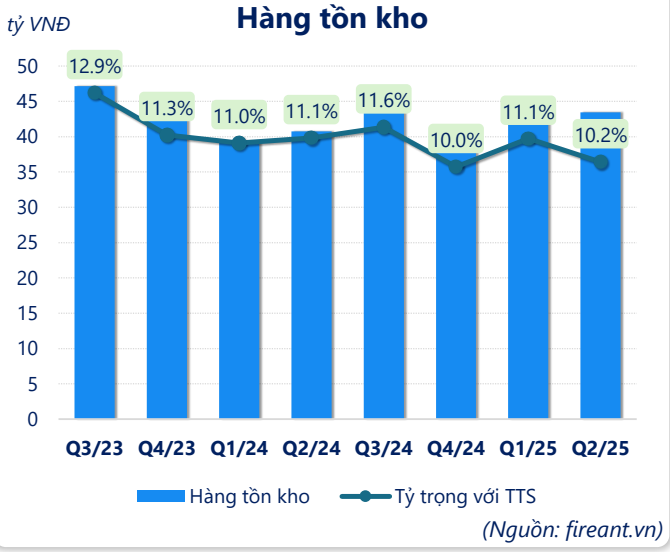
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



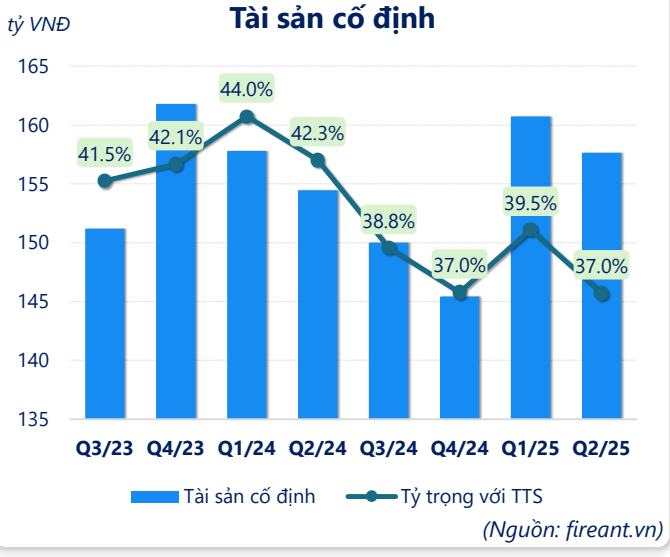
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



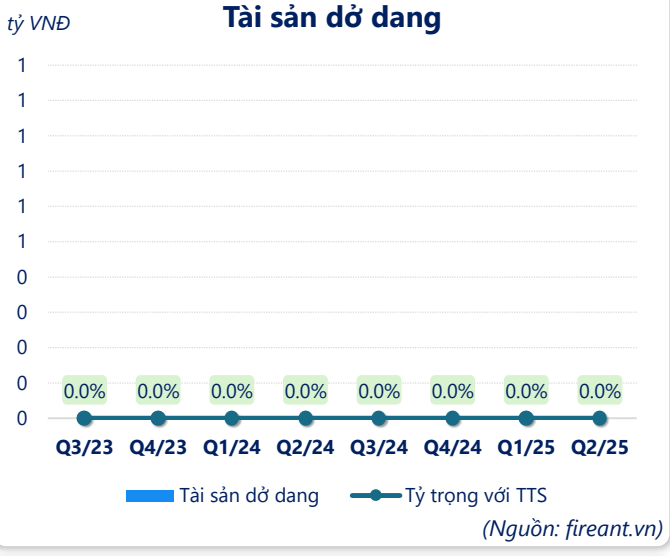
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



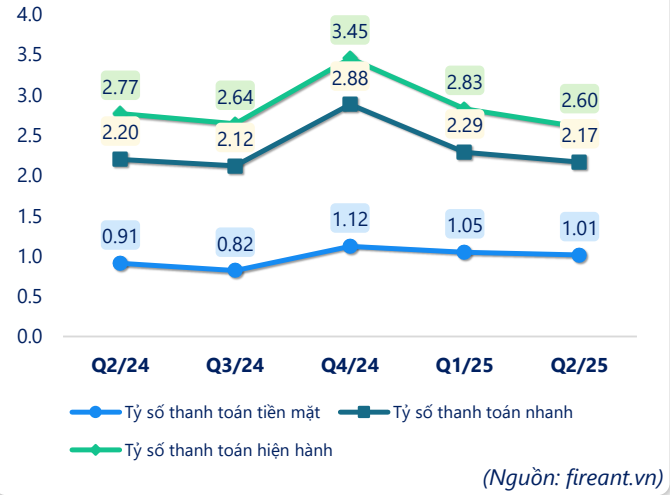
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



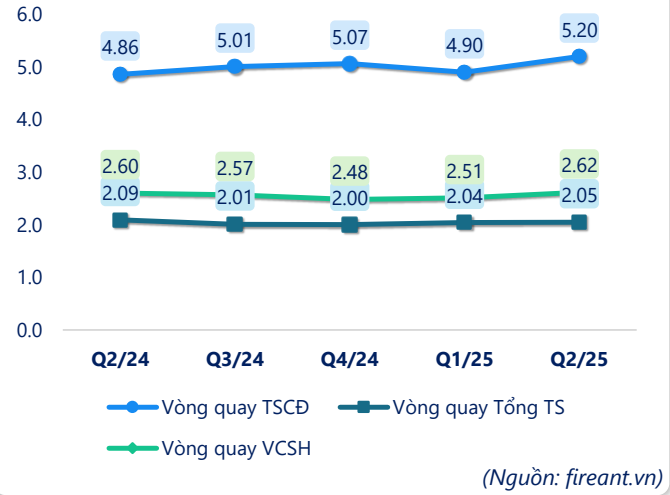
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**365**	**387**	**393**	**407**	**426**
Tài sản ngắn hạn	**198**	**226**	**237**	**236**	**259**
Tiền và tương đương tiền	65.0	69.9	76.8	87.5	101
Đầu tư tài chính ngắn hạn	71.5	86.5	97.1	87.1	87.1
Phải thu ngắn hạn	19.5	23.5	22.3	15.4	26.4
Hàng tồn kho	40.7	44.7	39.3	45.2	43.4
Tài sản ngắn hạn khác	1.49	0.93	1.55	1.20	1.19
Tài sản dài hạn	**167**	**161**	**156**	**170**	**167**
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.02	0.22	0.22
Tài sản cố định	154	150	145	161	158
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	12.6	11.0	10.3	9.34	9.40
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**71.7**	**85.3**	**68.6**	**83.6**	**99.5**
Nợ ngắn hạn	**71.7**	**85.3**	**68.6**	**83.6**	**99.5**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	51.0	62.0	43.3	67.9	71.9
Nợ dài hạn	0	0	0.03	0.03	0.03
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**294**	**301**	**324**	**323**	**327**
Vốn chủ sở hữu	**294**	**301**	**324**	**323**	**327**
Vốn điều lệ	156	156	156	156	156
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)